

THÔNG TƯ

Quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ

Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 14/2011/TT-BTNMT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2011.

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ như sau:¹

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

¹ Thông tư số 14/2011/TT-BTNMT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,”

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ và các cơ quan khác có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trên lãnh thổ của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm của cơ quan quản lý cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Hướng dẫn trình tự, thủ tục lập hồ sơ, cung cấp mẫu đơn đề nghị cấp, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Cấp, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định.

3. Quản lý hồ sơ cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

4. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành pháp luật đo đạc và bản đồ của các tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; phát hiện các vi phạm, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Định kỳ hằng năm, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trong phạm vi cả nước. Báo cáo được lập theo Mẫu số 6 kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Trách nhiệm của tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và gửi hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

3. Nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo bằng văn bản với Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam khi có một trong những thay đổi sau: thay đổi người chịu trách nhiệm trước pháp luật hoặc người phụ trách kỹ thuật chính; thay đổi lớn về lực lượng kỹ thuật hoặc thiết bị công nghệ so với thời điểm được cấp phép mà ảnh hưởng đến việc thực hiện các nội dung hoạt động được cấp phép; thay đổi địa chỉ trụ sở chính. Đối với các tổ chức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 phải đồng thời báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Tổ chức đã được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ phải làm Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới khi có thay đổi về tên gọi hoặc chuyển đổi loại hình

hoạt động. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã cấp trước đây phải nộp lại cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép để thu hồi và huỷ.

Chương 2

CẤP, BỔ SUNG, GIA HẠN GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 5. Danh mục các hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép

1. Khảo sát, lập dự án, thiết kế kỹ thuật – dự toán công trình đo đạc và bản đồ.
2. Kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.
3. Xây dựng lưới toạ độ, độ cao quốc gia.
4. Xây dựng điểm trọng lực, thiên văn, toạ độ, độ cao.
5. Chụp ảnh, quét địa hình từ máy bay.
6. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình các tỷ lệ.
7. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình đáy biển các tỷ lệ.
8. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính các tỷ lệ.
9. Thành lập bản đồ hành chính các cấp.
10. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa giới hành chính các cấp.
11. Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ.
12. Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin địa lý.
13. Thành lập bản đồ chuyên đề.
14. Thành lập atlas địa lý.
15. Khảo sát, đo đạc công trình.
16. Kiểm định các thiết bị đo đạc.

Điều 6. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức trong nước được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó có quy định chức năng, nhiệm vụ hoạt động đo đạc và bản đồ đối với đơn vị sự nghiệp; có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề đo đạc và bản đồ đối với tổ chức hoạt động kinh doanh;

b) Có lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ phù hợp với định biên quy định trong Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác đo đạc và bản đồ để thực hiện hoạt động thuộc nội dung đề nghị cấp phép;

c) Cán bộ phụ trách kỹ thuật có trình độ đại học trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ đề nghị cấp phép, có thực tế hoạt động đo đạc và bản đồ ít nhất ba (03) năm; có đủ điều kiện về sức khỏe và không được đồng thời phụ trách kỹ thuật của tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ khác.

d) Có năng lực thiết bị công nghệ đo đạc và bản đồ phù hợp với định mức thiết bị quy định trong Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác đo đạc và bản đồ để thực hiện nội dung hoạt động đề nghị cấp phép.

2. Tổ chức đầu tư nước ngoài được cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi có giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền và có đủ các điều kiện quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức nước ngoài không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi có hợp đồng đo đạc và bản đồ với tổ chức trong nước ngoài hoặc tổ chức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và có đủ các điều kiện quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này. Thời hạn của giấy phép căn cứ vào thời gian thực hiện công trình được ghi trong hợp đồng nhưng không được vượt quá năm (05) năm.

Điều 7. Thẩm quyền cấp, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền cấp, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 8. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 1 kèm theo Thông tư này;

b)² Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực của nơi cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 6; Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực của nơi cấp Giấy phép đầu tư đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 6; Bản công chứng Hợp đồng đo đạc và bản đồ đối với tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này;

c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hợp đồng lao động của người phụ trách kỹ thuật chính và của

² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 14/2011/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2011.

các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ; bản khai quá trình công tác theo Mẫu số 8 kèm theo Thông tư này, quyết định bổ nhiệm, giấy chứng nhận sức khoẻ của người phụ trách kỹ thuật chính;

d) Giấy tờ pháp lý chứng nhận về sở hữu thiết bị công nghệ để thực hiện nội dung hoạt động đề nghị cấp phép.

2.³ Trình tự nộp hồ sơ và cấp giấy phép

a) Tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp; các Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; các tổ chức nước ngoài nộp một (01) bộ hồ sơ tại Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.

Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ cho đầy đủ. Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ chỉ thực hiện một (01) lần.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ, lập biên bản thẩm định theo Mẫu số 2 kèm theo Thông tư này, cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho tổ chức có đủ điều kiện; trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép thì trả lời bằng văn bản cho tổ chức lý do không cấp giấy phép.

b) Tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này nộp hai (02) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ cho đầy đủ. Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ chỉ thực hiện một (01) lần.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, lập biên bản thẩm định theo Mẫu số 2 kèm theo Thông tư này và gửi biên bản thẩm định kèm theo một (01) bộ hồ sơ cho Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam; trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm xem xét, cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho tổ chức có đủ điều kiện; trường hợp

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 14/2011/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2011.

không đủ điều kiện cấp giấy phép thì trả lời bằng văn bản cho tổ chức lý do không cấp giấy phép đồng thời thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Trường hợp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bị mất hoặc bị rách nát, hư hỏng không thể sử dụng được, tổ chức nộp đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 5 kèm theo Thông tư này tại Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam. Khi nhận được đơn hợp lệ, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam hoàn thành việc cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trong thời gian ba (03) ngày làm việc. Thời hạn của giấy phép cấp lại được giữ nguyên như thời hạn của giấy phép đã cấp.

Điều 9. Phạm vi và thời hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có giá trị trong phạm vi cả nước.

2. Thời hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ là năm (05) năm. Khi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ hết thời hạn, nếu tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ có nhu cầu gia hạn thì đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn; mỗi giấy phép được gia hạn một (01) lần, thời gian gia hạn không quá ba (03) năm.

3. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ do Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam phát hành theo Mẫu số 9 kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Trong quá trình hoạt động, nếu tổ chức có đủ điều kiện mở rộng quy mô, lĩnh vực hoạt động đo đạc và bản đồ và có nhu cầu thì được cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

2.⁴ Tổ chức đề nghị bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ lập hồ sơ đề nghị cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 3 kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức kể từ khi được cấp giấy phép theo Mẫu số 7 kèm theo Thông tư này;

c) Các tài liệu, hồ sơ về nhân lực và thiết bị công nghệ được bổ sung so với thời điểm được cấp giấy phép như quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 8 Thông tư này;

d) Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp.

3. Việc nộp hồ sơ, thẩm định hồ sơ và cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 14/2011/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2011.

Điều 11. Gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ lập một (01) bộ hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 4 kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức kể từ khi được cấp giấy phép theo Mẫu số 7 kèm theo Thông tư này;

c) Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp.

2.⁵ Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép nộp tại Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam trước khi giấy phép hết hạn ít nhất là ba mươi (30) ngày.

Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ cho đầy đủ. Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ chỉ thực hiện một (01) lần.”

Khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam hoàn thành việc gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trong thời gian ba (03) ngày làm việc cho tổ chức có đủ điều kiện, trường hợp không đủ điều kiện gia hạn giấy phép thì trả lời bằng văn bản cho tổ chức lý do không gia hạn giấy phép.

Khi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ hết thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này, tổ chức có nhu cầu tiếp tục hoạt động đo đạc và bản đồ làm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Chương 3

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁶

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/01/2011.

2. Thông tư này thay thế Quyết định số 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04/5/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế đăng ký và cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 14/2011/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2011.

⁶ Điều 2 của Thông tư số 14/2011/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2011 quy định như sau:

“Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2011.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, xử lý./.”

Điều 13. Xử lý các vấn đề phát sinh khi ban hành Thông tư này

1. Các Bản đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ đã cấp theo Quyết định số 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04/5/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường chấm dứt giá trị sử dụng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Tổ chức đã được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nếu có nhu cầu bổ sung nội dung hoạt động hoặc gia hạn giấy phép thì làm Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới theo quy định của Thông tư này.

3. Giá trị sử dụng của các giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được quy định như sau:

a) Các giấy phép có thời hạn ghi trên giấy phép đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 trở về trước có giá trị sử dụng theo thời hạn ghi trên giấy phép.

b) Các giấy phép có thời hạn ghi trên giấy phép sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ chấm dứt giá trị sử dụng từ ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phải kịp thời báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 23 /VBHN-BTNMT

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2018

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Sở TN&MT tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng tải);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT;
- Cổng thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, PQ

BỘ TRƯỞNG



Trần Hồng Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Kính gửi: Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường

PHẦN I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

Tên tổ chức:

Người đại diện trước pháp luật:

Quyết định thành lập/Giấy phép đăng ký kinh doanh số:

Số tài khoản:

Tổng số cán bộ, công nhân viên:

Trụ sở chính tại:

Số điện thoại:

Fax:

E-mail:

Căn cứ Thông tư số/2010/TT-BTNMT ngày tháng năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ với các nội dung sau đây:

1.

2.

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp phép)

Cam kết:

.....

.....

PHẦN II. KÊ KHAI NĂNG LỰC

I. Lực lượng kỹ thuật

1. Lực lượng kỹ thuật phân tích theo ngành nghề

TT	Ngành, nghề	Đại học trở lên	Trung cấp	Công nhân kỹ thuật	Loại khác

1					
2					
3					
4					
...					

2. Danh sách người chịu trách nhiệm trước pháp luật và người phụ trách kỹ thuật chính

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Thâm niên nghề nghiệp
1				
2				
...				

II. Thiết bị công nghệ

TT	Tên, số hiệu của thiết bị, công nghệ	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
...				

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung Phần kê khai này.

Thủ trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Ngày tháng năm tại, đại diện Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (thành phố) đã tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của (*Tên tổ chức đề nghị cấp giấy phép*).

Thành phần của cơ quan thẩm định:

1. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)
2. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)
3. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Thành phần của tổ chức đề nghị cấp giấy phép:

1. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)
2. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)
3. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

I. Nội dung thẩm định:

1. Thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ

Thẩm định sự đầy đủ và xác thực của các tài liệu trong hồ sơ theo quy định.

2. Thẩm định kê khai năng lực hoạt động của tổ chức

2.1. Thẩm định phần kê khai lực lượng kỹ thuật: *đối chiếu số lượng và trình độ của lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ hiện có của tổ chức với lực lượng kỹ thuật kê khai trong hồ sơ.*

2.2. Thẩm định phần kê khai thiết bị công nghệ: *đối chiếu số lượng và tình trạng hoạt động của thiết bị kỹ thuật và công nghệ đo đạc và bản đồ hiện có của tổ chức với kê khai trong hồ sơ.*

II. Kết luận và kiến nghị

1. Kết luận:

Nêu kết luận về tính hợp lệ của hồ sơ; sự phù hợp giữa năng lực hoạt động đo đạc và bản đồ thực tế của tổ chức với năng lực kê khai trong hồ sơ (*số lượng và trình độ của lực lượng kỹ thuật; số lượng và tình trạng hoạt động của thiết bị công nghệ*).

2. Kiến nghị: Nêu rõ những nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ đề nghị cấp phép.

Biên bản này được lập thành ba (03) bản: 01 bản giao cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép; 01 bản lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường; 01 bản gửi Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

**ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**
(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Kính gửi: Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường

PHẦN I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

Tên tổ chức:

Người đại diện trước pháp luật:

Trụ sở chính tại:

Số điện thoại:

Fax:

E-mail:

Quyết định thành lập/Giấy phép đăng ký kinh doanh số:

Số tài khoản:

Trụ sở chính tại:

Số điện thoại:

Fax:

E-mail:

Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số, cấp ngày tháng năm

Căn cứ Thông tư số/2010/TT-BTNMT ngày tháng năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp bổ sung nội dung Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ với các nội dung sau:

1.

2.

.....

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp bổ sung)

Cam kết:

.....

.....

PHẦN II. KÊ KHAI NĂNG LỰC

I. Lực lượng kỹ thuật

1. Lực lượng kỹ thuật phân tích theo ngành nghề *(Kê khai theo thời điểm hiện tại)*

TT	Ngành, nghề	Đại học trở lên	Trung cấp	Công nhân kỹ thuật	Loại khác
1					
2					
3					
4					
...					

2. Danh sách người chịu trách nhiệm trước pháp luật và người phụ trách kỹ thuật chính
(Kê khai theo thời điểm hiện tại)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Thâm niên nghề nghiệp
1				
2				
...				

II. Thiết bị công nghệ

(Kê khai theo thời điểm hiện tại)

TT	Tên, số hiệu của thiết bị, công nghệ	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
...				

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung phần kê khai này.

Thủ trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Kính gửi: Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Tên tổ chức:

Quyết định thành lập/Giấy phép đăng ký kinh doanh số:

Người đại diện trước pháp luật:

Người phụ trách kỹ thuật chính:

Trụ sở chính tại:

Số điện thoại:

Fax:

E-mail:

Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: Số, cấp ngày.....

Căn cứ Thông tư số/2010/TT-BTNMT ngày tháng năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ,

Lý do đề nghị gia hạn: *(nêu cụ thể lý do)*

.....

.....

.....

Đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường gia hạn Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho *(tên tổ chức)*.

Cam kết:

.....

Thủ trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Kính gửi: Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Tên tổ chức:

Quyết định thành lập/Giấy phép đăng ký kinh doanh số:

Người đại diện trước pháp luật:

Người phụ trách kỹ thuật chính:

Trụ sở chính tại:

Số điện thoại:

Fax:

E-mail:

Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp: Số, cấp ngày.....

Căn cứ Thông tư số/2010/TT-BTNMT ngày tháng năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

Đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho (tên tổ chức).

Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (Nêu cụ thể lý do đề nghị cấp lại giấy phép)

Cam kết:

Xác nhận của cơ quan Công an
(trong trường hợp bị mất giấy phép)

Thủ trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
(Định kỳ 01 năm)

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Tổng hợp về tình hình cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trên toàn quốc:

Số TT	Loại hình tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	Tổng số	Cấp lần đầu	Cấp bổ sung	Gia hạn	Ghi chú
1	Tổ chức nhà nước					
2	Tổ chức thuộc các thành phần kinh tế ngoài nhà nước					
3	Tổ chức chính trị - xã hội; xã hội – nghề nghiệp					
4	Tổ chức nước ngoài					

Nơi nhận:

- Như trên;

-

(Tên cơ quan chủ quản)
(Tên tổ chức được cấp giấy
phép hoạt động ĐDBĐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: . /BC.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Từ năm..... đến năm.....

1. Tên tổ chức:
2. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: Số....., cấp ngày
3. Doanh thu năm:
4. Nộp ngân sách năm (hoặc nộp thuế kinh doanh):
5. Các công trình đo đạc và bản đồ đã thực hiện:

Số TT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Công đoạn đã thi công	Giá trị đã thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung báo cáo này.

Thủ trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: Giới tính:
2. Ngày tháng năm sinh:
3. Chứng minh thư nhân dân: số, ngày cấp,
nơi cấp
4. Địa chỉ thường trú:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Tên trường đào tạo	Loại hình đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Bằng cấp

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1. Từ Đến:

- Công tác tại: (*Tên cơ quan, đơn vị*):

- Chức vụ:

- Những công trình đo đạc và bản đồ đã tham gia (*ghi cụ thể thời gian tham gia*):

.....
.....
.....

2. Từ Đến:

.....
.....

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm

Người khai

(*Ký và ghi rõ họ tên*)

Mẫu số 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Số 0000

Năm 0000

Tên tổ chức:

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cấp phép nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.
- 7.

.....

Có giá trị đến ngày tháng năm

Hà Nội, ngày tháng năm 20

CỤC TRƯỞNG

CỤC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM

Cấp bổ sung nội dung hoạt động:

- 1.
- 2.
- 3.

.....

Hà Nội, ngày tháng năm 20

CỤC TRƯỞNG

CỤC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM

Gia hạn giấy phép

Gia hạn đến ngày tháng năm

Hà Nội, ngày tháng năm 20

CỤC TRƯỞNG

CỤC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM

**Không được cho mượn, cho thuê, chuyển nhượng
Chỉ được hoạt động trong phạm vi nội dung được cấp phép**

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước

Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT-BTNMT-BNV ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2008, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã trực thuộc tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2014.

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước; Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện các nội dung sau đây:¹

¹ Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã trực thuộc tỉnh được quy định như sau:

“Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

1. Nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

II.² (được bãi bỏ)

III. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đơn vị sự nghiệp phục vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

1.1. Trung tâm Quan trắc môi trường (hoặc Trung tâm Quan trắc và phân tích môi trường, Trung tâm Quan trắc và Thông tin môi trường, Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường) quy định tại Thông tư này là đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập tại Cục (hoặc Tổng cục) thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, cơ quan ngang Bộ mà chức năng liên quan đến trách nhiệm bảo vệ môi trường hoặc tại Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để phục vụ quản lý nhà nước. Các đơn vị sự nghiệp này được tham gia cung cấp dịch vụ công về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị quan trắc môi trường của doanh nghiệp nhà nước, trường đại học, viện nghiên cứu hoặc các tổ chức sự nghiệp công lập khác có chức năng tổ chức việc cung cấp dịch vụ quan trắc môi trường không phải là đơn vị sự nghiệp phục vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư này.

1.2. Trung tâm quan trắc môi trường quy định tại mục 1 phần III Thông tư này được thành lập, hoạt động khi có đủ các điều kiện sau đây:

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện)."

² Mục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã trực thuộc tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2014.

a) Cục (hoặc Tổng cục) thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, cơ quan ngang Bộ mà chức năng liên quan đến trách nhiệm bảo vệ môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng đề án, trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập Trung tâm quan trắc môi trường để phục vụ trực tiếp cho công tác quản lý môi trường của cơ quan;

b) Có địa điểm làm việc và bảo đảm các điều kiện thực hiện quan trắc và phân tích môi trường;

c) Có phòng thí nghiệm đủ điều kiện phân tích các thông số môi trường cơ bản; có từ 03 cán bộ phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm trở lên, trong đó có ít nhất 01 cán bộ phân tích mẫu trình độ đại học chuyên ngành phù hợp;

d) Có đủ trang thiết bị, dụng cụ và hoá chất lấy mẫu, bảo quản mẫu, đo nhanh hiện trường và vận chuyển phù hợp với tiêu chuẩn và phải đạt độ chính xác cần thiết theo quy định đối với các thành phần môi trường cơ bản (không khí, nước và đất); có đủ lực lượng quan trắc viên hiện trường, trong đó có ít nhất 03 quan trắc viên trình độ đại học chuyên ngành phù hợp với các nhiệm vụ quan trắc, phân tích và tổng hợp số liệu;

đ) Có năng lực bảo đảm thực hiện quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật và bảo đảm chất lượng/kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong quan trắc môi trường; có cán bộ chuyên trách quản lý kỹ thuật và quản lý chất lượng.

1.3. Trung tâm quan trắc môi trường được tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, biên chế và tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị sự nghiệp thực hiện dịch vụ công về bảo vệ môi trường

2.1. Các đơn vị sự nghiệp hoạt động trong các ngành, lĩnh vực có thể tham gia cung ứng một số dịch vụ công về bảo vệ môi trường cho tổ chức, cá nhân phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện, năng lực chuyên môn và các quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp thực hiện dịch vụ công về bảo vệ môi trường), bao gồm:

a) Các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tư vấn chuyên gia công nghệ;

b) Các trung tâm thông tin - tư liệu khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường chuyên ngành;

c) Các đơn vị (đài, trung tâm) quan trắc, dự báo khí tượng, thủy văn;

d) Các trung tâm quan trắc và phân tích môi trường;

đ) Các phòng thí nghiệm trọng điểm thuộc đơn vị sự nghiệp;

e) Các liên đoàn địa chất;

g) Các ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia;

h) Các trung tâm bảo tồn và phát triển các nguồn gen, giống động vật, thực vật quý hiếm;

i) Các trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường đô thị, nông thôn;

k) Các đơn vị sự nghiệp công lập khác có chức năng cung cấp dịch vụ công về bảo vệ môi trường.

2.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy cụ thể của các đơn vị sự nghiệp thực hiện dịch vụ công về bảo vệ môi trường quy định tại mục 2 phần III Thông tư này thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và quyết định của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

2.3. Đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường được tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; được Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam và quỹ bảo vệ môi trường của Bộ, ngành, địa phương ưu tiên về tín dụng, tài trợ cho việc thực hiện dịch vụ công về bảo vệ môi trường.

2.4. Khuyến khích các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện nhiệm vụ về bảo vệ môi trường tiến hành trợ giúp kỹ thuật, cung cấp thông tin miễn phí cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư để thực hiện công tác phản biện, giám sát xã hội đối với các chương trình, dự án, đề án có nội dung hoạt động liên quan đến các yếu tố môi trường cần bảo vệ và phát triển bền vững.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN³

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng đề án thành lập Chi cục Bảo vệ môi trường trên cơ sở tổ chức lại Phòng Bảo vệ môi trường (hoặc bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường) và các đơn vị sự nghiệp

³ Điều 10 của Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã trực thuộc tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2014 quy định như sau:

“Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2014.
2. Thông tư liên tịch này thay thế các Thông tư liên tịch của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ: số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2008 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp; số 26/2010/TTLT-BTNMT-BNV ngày 05 tháng 11 năm 2010 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Chi cục Biển và Hải đảo trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; số 04/2010/TTLT-BTNMT-BNV ngày 02 tháng 02 năm 2010 hướng dẫn nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về công tác định giá đất; số 07/2011/TTLT-BTNMT-BNV ngày 30 tháng 01 năm 2011 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Trung tâm Công nghệ thông tin trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Bãi bỏ Mục II Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT-BTNMT-BNV ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn, vướng mắc, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./”

phục vụ quản lý nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ công về bảo vệ môi trường hiện có thuộc Sở theo hướng dẫn của Thông tư này.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị địa phương phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ để nghiên cứu, giải quyết./.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 21 /VBHN-BTNMT

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2018

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Sở TN&MT tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng tải);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT;
- Công thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, PC

[Handwritten signature]

